

Bản án số: 794/2022/HS-PT

Ngày 21 – 10 – 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 439/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Tấn B, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn B và người bị hại Trương Thị Ánh H đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

*- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Nguyễn Tấn B, sinh năm 1957, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: B9 tầng 11, chung cư c, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết); có vợ (đã ly hôn) và có 02 con.

Tiền sự: không; Tiền án: ngày 09/8/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo Bản án số 45/2011/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/6/2012, chưa chấp hành hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng, án phí sơ thẩm 200.000 đồng, án phí phúc thẩm 200.000 đồng và chưa nộp ngân sách nhà nước số tiền 31.000.000 đồng;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến nay, có mặt.

*- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tấn B:* Ông Nguyễn Hồng Nh là Luật sư của Công ty Luật TNHH DL P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Trương Thị Ánh H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: khu phố 5, quận (nay là thành phố) T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 283, đường N, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2022, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh B Dương

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Th: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 143A đường D, Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B Dương là người đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/10/2022, có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 24/10/2017, Nguyễn Tấn B mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 60A-425.04 bằng hình thức thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Văn Thánh theo Hợp đồng tín dụng số 0503.HĐTD-VIB638.17, số tiền vay là 919.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng từ ngày 24/10/2017 đến ngày 24/10/2025, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do ngân hàng lưu giữ để đảm bảo khoản vay.

B đã trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 239.500.000 đồng, tiền lãi 173.719.433 đồng, đến ngày 25/12/2019 đã chuyển nợ quá hạn, tính đến ngày 16/7/2020 B còn nợ ngân hàng 846.818.939 đồng, nợ gốc 679.500.000 đồng, lãi 59.377.173 đồng, nợ thẻ tín dụng 103.322.092 đồng.

Khoảng tháng 01 năm 2019, do cần tiền tiêu xài nên B mang xe ô tô và 01 giấy đăng ký xe ô tô giả (do đối tượng tên Sơn chưa rõ nhân thân lai lịch làm) đến tiệm cầm đồ M cầm cố cho bà Nguyễn Thị Th ở khu phố Nội Hoá 2, phường B An, thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương 650.000.000 đồng, B đóng lãi được 01 tháng thì không có khả năng chi trả. Trong thời gian này B nợ bà Trương Thị Ánh H 100.000.000 đồng nên B nảy sinh ý định bán xe cho bà H để trừ nợ và trả tiền cầm cố xe cho bà Th. B cùng với ông Trịnh Văn T đưa bà H và chồng là ông Trần Văn Th1 đến tiệm cầm đồ M để xem xe, B nói xe có đầy đủ giấy tờ do B đứng tên và thoả thuận bán xe với số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà H đồng ý.

Ngày 29/5/2019, B viết giấy uỷ quyền cho bà H đến tiệm cầm đồ M trả 800.000.000 đồng để chuộc lại xe ô tô. Cùng ngày, bà H yêu cầu B ký giấy bán xe để làm thủ tục sang tên thì B nói cho bà H biết xe đang thế chấp tại ngân hàng, sắp

tất toán khoản vay, ngân hàng đưa lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, B hẹn đến ngày 20/4/2020 làm thủ tục sang tên cho bà H.

Đến ngày 29/3/2020, bà H tiếp tục giao cho B số tiền 100.000.000 đồng còn lại và 15.000.000 đồng để làm thủ tục sang tên, tuy nhiên khi đến thời hạn, B không thực hiện việc giao hồ sơ xe và làm thủ tục công chứng mua bán xe như đã thoả thuận.

Ngày 20/4/2020, thời hạn đăng kiểm xe ô tô sắp hết (giấy chứng nhận kiểm định thời hạn đến hết ngày 23/4/2020) nên bà H mang xe ô tô đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 5003V ở phường B Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nên bà H tố cáo hành vi của Nguyễn Tấn B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B Dương.

Các Kết luận giám định số 320 ngày 20/10/2020, số 39 ngày 29/01/2021, số 320 ngày 23/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B Dương kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Tấn B, 04 dấu vân tay màu đỏ trên giấy bán xe đề ngày 29/5/2019 là do cùng một người ký, viết in ra; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0777165 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử; chữ viết mặt sau của giấy bán xe ngày 29/5/2019 so với chữ viết của Nguyễn Tấn B là do cùng một người viết ra.

Vật chứng của vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0777165 giả được đưa vào hồ sơ vụ án, 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 60A-425.04 Số khung MHFJX8GS1H0606204, số máy A3337742TR, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Huawei số IMEI 869483031889163, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5S số IMEI 352034063433893, tiền Việt Nam 150.000.000 đồng, 02 lắc tay màu vàng, 01 sợi dây chuyền màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu vàng (đã xác định là vàng giả), 04 tờ séc số BC383263, BC 38364, BC 383265, BC383266 có chữ ký của ông Phạm Minh H, 01 hộ chiếu B1367273, 01 giấy bán đất ngày 19/7/2020, 01 Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 98601102604, 02 giấy nộp tiền mặt ngày 10/5/2018 chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh B Dương để bảo quản. Đối với xe mô tô biển số 60H3-9025 thu giữ của Nguyễn Tấn B, quá trình điều tra xác định do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sở hữu, ông N đã bán xe cho Nguyễn Lê T là con ruột của Nguyễn Tấn B nhưng không làm thủ tục sang tên, xét thấy xe mô tô thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Lê T nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tấn B khai nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả do đối tượng tên Sơn ở phường B An, thành phố Dĩ An làm ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không rõ nhân thân lại lịch nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cáo trạng số: 56/CT-VKS.P1 ngày 30/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tấn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại Hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo B phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn B có trách nhiệm trả lại cho bị hại Trương Thị Ánh H 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, bị cáo Nguyễn Tấn B làm đơn kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, người bị hại Trương Thị Ánh H làm đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị bà Nguyễn Thị Th trả lại cho bà 800.000.000đ và bị cáo Nguyễn Tấn B trả lại cho bà 200.000.000đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo B cho rằng do không hiểu biết pháp luật nên cho rằng bị truy tố oan, qua phân tích bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh như trên là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã lớn tuổi chỉ sống một mình; đồng thời đồng ý trả lại tiền cầm cố xe cho bà Th, đề nghị được dùng số tiền 150.000.000 đồng trong tài khoản của bị cáo để khắc phục hậu quả trả một phần tiền cho bà Th. Đối với số tiền bị hại H đã

tra cho bà Th thì bị cáo không biết do bà H đưa cho bà Th thì bà Th có trách nhiệm trả lại cho bà H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo B cho rằng bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị bà Nguyễn Thị Th trả lại cho bà H 800.000.000đ và bị cáo Nguyễn Tấn B trả lại cho bà H 200.000.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Ánh H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 5 năm 2022, người bị hại Trương Thị Ánh H và ngày 25 tháng 5 năm 2022, bị cáo Nguyễn Tấn B có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo B và bị hại Hồng làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn B:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Tấn B thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung của Bản cáo trạng đã truy tố và bản án sơ thẩm đã quy kết, Hội đồng xét xử xét thấy những lời trình bày của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện như sau:

Ngày 24/10/2017, Nguyễn Tấn B mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 60A-425.04 bằng hình thức thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Văn Thánh theo Hợp đồng tín dụng số 0503.HĐTD-VIB638.17, số tiền vay là 919.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng từ ngày 24/10/2017 đến ngày 24/10/2025, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do ngân hàng lưu giữ để đảm bảo khoản vay. Trong thời gian này bị cáo cho Đặng Văn S thuê xe để chạy dịch vụ. Khoảng tháng 01 năm 2019, tại tiệm cầm đồ M thuộc khu

phố Nội Hóa 2, phường B An, thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương, Nguyễn Tấn B sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 60A-425.04 giả cầm cố cho bà Trần Thị Th 650.000.000 đồng. Đến ngày 29/5/2019, bị cáo Nguyễn Tấn B tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để bán xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 60A-425.04 cho bà Trương Thị Ánh H với giá 1.000.000.000 đồng, bà H đồng ý mua nên bị cáo B yêu cầu bà H đến gặp trực tiếp bà Th trả 800.000.000 đồng tiền cầm xe và nhận xe, sau đó bị cáo làm giấy bán xe cho bà H giá 1.000.000.000 đồng gồm trừ 100.000.000 đồng bị cáo vay bà H trước đó cộng với 800.000.000 đồng trả cho bà Th, bà H tiếp tục trả cho bị cáo B 100.000.000 đồng còn lại.

[2.2] Với hành vi và thủ đoạn như trên bị cáo Nguyễn Tấn B đã có hành vi gian dối dùng giấy tờ giả, bán xe ô tô mà bị cáo dùng để thế chấp cho Ngân hàng để chiếm đoạt của bà Trương Thị Ánh H số tiền một tỷ đồng bao gồm khoản tiền trả cho bà Th (cầm cố xe) và sử dụng tiêu xài cá nhân hai trăm triệu đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 174, Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tấn B theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động B thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về giấy tờ, tài liệu; xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình cho nhiều người, vì thế cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo đồng thời làm gương cho người khác.

[2.3] Về phần hình phạt của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Nguyễn Tấn B phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B đã nhận ra hành vi sai trái, thừa nhận đã vi phạm pháp luật, thể hiện sự ăn năn, hối cải; tự nguyện dùng số tiền trong tài khoản để bồi thường cho bị hại; bị cáo còn trình bày vợ con bị cáo đã chết do dịch bệnh Covid 19 hiện chỉ sống một mình, gia cảnh hết sức khó khăn, tuổi bị cáo đã cao sức khỏe không đảm bảo nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để có cơ hội làm ăn trả nợ cho bà Th và bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tại phiên tòa đã nhận thức được hành vi sai trái, thật sự ăn năn hối cải; tự nguyện dùng số tiền còn lại (một trăm năm mươi triệu đồng) trong tài khoản để khắc phục hậu quả trong vụ án này, cũng như hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Trương Thị Ánh H đối với phần trách nhiệm dân sự thì thấy:

Như đã phân tích ở mục [2] hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn B nhằm chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng của bà Trương Thị Ánh H. Tại các biên bản ghi lời khai bà Th trình bày có nhận số tiền 800.000.000 đồng từ bà H là do bị cáo B đã ủy quyền để bà H chuộc lại xe. Do đó, bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả lại cho bà 800.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo B trình bày bị cáo có cầm cố xe cho bà Th nên bị cáo sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà Th tiền cầm cố xe 800.000.000 đồng. Còn giữa bà Th và bà H có liên quan đến số tiền 800.000.000 đồng bị cáo không biết đến vì đây là sự giao dịch dân sự giữa hai người không liên quan đến bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào tháng 01 năm 2019, bị cáo B cầm cố xe cho bà Trần Thị Th, chủ tiệm vàng M số tiền 650.000.000 đồng. Sau đó vì không có tiền chuộc xe và đóng lãi nên bị cáo nảy sinh ý định dùng giấy tờ xe giả bán luôn xe cho bà Trương Thị Ánh H. Khi bà H đồng ý mua (vì tin là thật) với giá một tỷ đồng. Để có xe giao cho bà H nên bị cáo viết giấy ủy quyền cho bà H đến chuộc lại xe tại tiệm vàng M với số tiền 800.000.000 đồng, bị cáo cản trở nợ với bà H một trăm triệu đồng, còn lại bị cáo nhận tiếp một trăm triệu đồng nữa và tiêu xài cá nhân.

Như vậy, số tiền 800.000.000 đồng bị cáo có được để chuộc lại xe từ bà Th là do bị cáo B phạm tội mà có (dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo bà H).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: *“Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.”*

Như vậy theo quy định trên thì số tiền 800.000.000 đồng bà H đã giao cho bà Th theo giấy ủy quyền của bị cáo B phải được giao trả lại cho bị hại là bà H. Bà Trần Thị Th đã nhận nên bà Th phải có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Thị Ánh H. Bị cáo Nguyễn Tấn B trả lại cho bà H 200.000.000 đồng từ việc bán xe và tự nguyện trả lại cho bà Trần Thị Th số tiền 800.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội xin giảm nhẹ hình phạt và có những tình tiết giảm nhẹ mới như đã phân tích nên được chấp nhận. Bị hại Trương Thị Ánh H kháng cáo yêu cầu bà Trần Thị Th trả lại số tiền bị cáo B phạm tội mà có như nhận định tại mục [3] là có căn cứ nên được chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[5] Vì kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Tấn B là người cao tuổi, gia cảnh hết sức khó khăn, sức khỏe không đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xem xét miễn án phí dân sự cho bị cáo B.

[7] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn B. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Trương Thị Ánh H về phần trách nhiệm dân sự.

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tấn B phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 586 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn B có trách nhiệm trả lại cho bị hại Trương Thị Ánh H 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Trả lại cho bà Trần Thị Th 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

Buộc bà Trần Thị Th phải trả lại cho bà Trương Thị Ánh H số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải



chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

4. Án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bà Trương Thị Ánh H được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0000170 ngày 09/6/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh B Dương.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hồ Tâm Tú**